TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 938/2017/HNGĐ-PT
Ngày 29-9-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan
Ông Lê Thọ Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 9 năm 2017 và ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 821/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: 305/36/2 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Mohan Ramesh A, sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ: 146E7 khu biệt thự T, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người phiên dịch của bị đơn: Ông Bùi Quang K, sinh năm 1978 – Phiên dịch viên tiếng Anh (có mặt)
Địa chỉ: 44/29/24 Khu phố B, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Lam Thụy C, sinh năm 1979 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Thị H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 89 – 91 đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Mohan Ramesh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng D trình bày:

Bà và ông Mohan Ramesh A quen nhau vào năm 2001 đến năm 2003 kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 569, quyển 03/2003, ngày 17/11/2003 do Sở Tư pháp tỉnh V cấp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, năm 2007 ly thân, và bà đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án Quận M, sau đó gia đình hai bên động viên nên năm 2012 bà và ông A quay trở lại chung sống và cũng tạo cho hai bên có cơ hội đoàn tụ, khi trở về chung sống hai bên vẫn không hòa hợp, mâu thuẫn vẫn xảy ra, đến giữa năm 2016 bà ly thân. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông A có một con chung là Dhiren Ramesh A, sinh ngày 30/07/2003 (giới tính nam), hiện đang sống cùng ông Mohan Ramesh A, bà đồng ý giao con chung cho ông Mohan trực tiếp nuôi dạy.

Về tài sản chung: Bà khai không có.

Bị đơn là ông Mohan Ramesh A trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà D trình bày, hai bên có một người con chung như bà D trình bày. Cuộc sống hôn nhân của ông không có hạnh phúc, theo ông, bà D ngoại tình có quan hệ với người đàn ông khác. Ông không đồng ý ly hôn với bà D do bà D hiện còn giữ tài sản của ông .

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà D và ông Mohan Ramesh A giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Đại diện Việm Kiểm sát nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Điều 20; Khoản 2 Điều 21; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 95; Điều 96; Khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng D;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng D được ly hôn với ông Mohan Ramesh A. Quan hệ hôn nhân của ông Mohan Ramesh A và bà Trần Thị Hồng D theo giấy chứng nhận kết hôn số 569, quyển số 03/2003 ngày 27/11/2003 đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh V chấm dứt kể từ bản án này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Trần Thị Hồng D và ông Mohan Ramesh A có một con chung tên Dhiren Ramesh A, sinh ngày 30/07/2003, bà D đồng ý giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà D được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Là 200.000 đồng bà Trần Thị Hồng D phải chịu nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 04799, ngày 16/08/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 20/04/2017 bị đơn ông Mohan Ramesh A kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án do ông đã yêu cầu tòa sơ thẩm xem xét giải quyết cho ông về việc tranh chấp giữa ông và bà D đối với diện tích đất 203 m^2 thuộc thửa số 39 - 933, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tòa sơ thẩm không giải quyết cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Mohan Ramesh A có người phiên dịch là ông Bùi Quang K trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà D với lý do bà D hiện đang còn giữ tài sản của ông là diện tích đất 203m^2 thuộc thửa số 39 - 933, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản kể tên là do ông dùng tiền của mình mua để bà D đứng tên chủ quyền nhưng bà D đã sang nhượng cho người khác và chiếm giữ số tiền, ông yêu cầu giải quyết tài sản chung này trong vụ án ly hôn nhưng tòa sơ thẩm

không giải quyết cho ông. Vì vậy ông yêu cầu hủy án sơ thẩm để tòa sơ thẩm giải quyết tài sản chung giữa ông và bà D.

Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 01/08/2016 giữ cho Công an phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh không phải do ông ký tên, ông không biết chứng cứ kể trên.

Về con chung: Nếu giải quyết ly hôn ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Tại tòa sơ thẩm ông không được Tòa án yêu cầu ông làm thủ tục lấy lời khai của con chung có yêu cầu sống cùng ai sau khi cha mẹ ly hôn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn - bà Hoàng Lam Thụy C - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư Trương Thị H trình bày:

Ngày 16/08/2016 bà D nộp đơn khởi kiện tại tòa án sơ thẩm và được tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết, nhưng hộ chiếu của ông Mohan Ramesh A thể hiện đến ngày 27/08/2016 ông mới có mặt tại Việt Nam, địa chỉ tại 146E7 khu biệt thự T, Quận H là nơi tạm ở, nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, trường hợp này thuộc thẩm quyền của Tòa cấp tỉnh giải quyết.

Bản án phát hành có thành phần hội đồng xét xử (hội thẩm nhân dân) tham dự phiên tòa không đúng với thành phần hội thẩm nhân dân được ban hành tại quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản phiên tòa không thể hiện có sự thay thế thành phần hội đồng xét xử mới.

Bị đơn ông Mohan Ramesh A có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không được tòa sơ thẩm hướng dẫn thủ tục yêu cầu phản tố.

Tòa sơ thẩm giải quyết về con chung, con chung đã trên 7 tuổi nhưng không yêu cầu đưa con đến tòa, làm thủ tục lấy lời khai con chung sẽ ở với ai sau khi cha mẹ ly hôn.

Với những lý do trên yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng D trình bày: Bà D đã được Tòa án triệu tập nhưng bà vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Quận H đưa vụ án ra xét xử ngày 12/04/2017, đến ngày 20/04/2017 ông Mohan Ramesh A kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung :

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là người nước ngoài mang quốc tịch Ấn Độ, không có mặt tại Việt Nam, nên cấp sơ thẩm thụ lý là sai về thẩm quyền.

Thành phần hội đồng xét xử có sự thay đổi so với quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại biên bản phiên tòa sơ thẩm không thể hiện có sự thay thế kể trên.

Con chung đã trên 07 tuổi nhưng tòa sơ thẩm không thực hiện thủ tục lấy lời khai trẻ về việc yêu cầu sống cùng ai sau khi cha mẹ ly hôn.

Tài sản chung bị đơn có nêu ý kiến về việc tranh chấp, đương sự là người nước ngoài nhưng tòa sơ thẩm chưa làm rõ về việc có yêu cầu phản tố của đương sự không.

Với những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng kể trên của Tòa sơ thẩm, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ông Mohan Ramesh A làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Bà Trần Thị Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung kháng cáo:

Ông Mohan Ramesh A không đồng ý ly hôn, yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết về tài sản chung trong cùng vụ án ly hôn, do cấp sơ thẩm chưa giải quyết cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Lam Thụy C cho rằng:

Bị đơn ông Mohan Ramesh A là công dân nước ngoài tại thời điểm thụ lý vụ án ông Mohan Ramesh A đang ở nước ngoài nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án cấp tỉnh.

Thành phần hội đồng xét xử tại bản án sơ thẩm và thành phần hội đồng xét xử tại quyết định đưa vụ án ra xét xử không cùng nhưng tại biên bản phiên tòa không thể hiện có sự thay thế kể trên.

Bị đơn có ý kiến về giải quyết tài sản chung của vợ chồng nhưng tòa sơ thẩm chưa hướng dẫn cho đương sự về thủ tục yêu cầu phản tố của đương sự.

Về con chung đã hơn 07 tuổi nhưng tòa sơ thẩm chưa làm thủ tục lấy lời khai của trẻ về việc ý kiến được sống cùng ai sau khi cha mẹ ly hôn.

Bị đơn ông A cho rằng tòa sơ thẩm chưa giải quyết tài sản chung giữa ông và bà D. Tại tòa sơ thẩm ông yêu cầu nhưng không được xem xét, vì vậy ông yêu cầu được giải quyết trong cùng vụ án

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết ông Mohan Ramesh A cùng con trai là Dhiren Ramesh A đang thực tế cư ngụ tại địa chỉ: 146E7 Đường N, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy Tòa sơ thẩm căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thụ lý vụ án là đúng theo thẩm quyền.

Về tranh chấp tài sản chung giữa ông Mohan Ramesh A và bà D, tuy ông có ý kiến về việc yêu cầu Tòa sơ thẩm giải quyết tài sản chung thì ông mới đồng ý ly hôn nhưng ông không gửi đơn đến tòa về yêu cầu phản tố của mình, nên tòa sơ thẩm không xem xét là có cơ sở, nếu ông có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về con chung là trẻ Dhiren Ramesh A, sinh ngày 30/07/2003, đã hơn 07 tuổi; căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tòa sơ thẩm không yêu cầu xem xét ý kiến của trẻ Dhiren Ramesh A là thiếu sót.

Về thành phần hội đồng xét xử tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 12/04/2017 không đúng với thành phần hội đồng xét xử tại quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST–HNGĐ, ngày 20/03/2017 thì Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lưu không phải là thành viên của Hội đồng xét xử; Tại biên bản phiên tòa ngày 12/04/2017 không thể hiện có sự thay thế thành viên của Hội đồng xét xử. Vì vậy căn cứ vào Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm với những lý do nêu trên là có cơ sở.

Với những chứng cứ kể trên Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng vì vậy hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mohan Ramesh A, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm; Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 228 và Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa Án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mohan Ramesh A.

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/HNGĐ-ST, ngày 12/04/2017 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị Hồng D và bị đơn ông Mohan Ramesh A.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mohan Ramesh A không phải nộp, hoàn lại cho ông A tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AE/2014/08025, ngày 05/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Được xem xét khi vụ án giải quyết lại.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh